

UNIT 1

LOCAL ENVIRONMENT

***Lưu ý:**

- “**something**” khi làm bài viết là “**st**”
- “**somebody/ someone/ SO**” khi làm bài viết là “**sb**”
- Một số từ có ví dụ trong ngoặc khi làm bài không cần ghi

VD: “**Đan**” thì khi làm bài ghi “**knit**”

không cần ghi “**knit (sweaters, toys, hats)**”

(Bài gồm có 45 từ)

No	Meaning	Word
1	(thuộc) khoa học	
2	(thuộc) nghệ thuật	
3	áo len tay dài	
4	bãi cỏ	
5	bảo quản, giữ gìn	
6	cái nón lá	
7	cái trống	
8	chỉ, sợi chỉ	
9	cho đầu đề, cho tên sách	
10	công trình điêu khắc đá cẩm thạch	
11	cung cấp cho ai cái gì	
12	đáng nhớ	

13	đèn lồng	
14	đồ gốm	
15	đồ sơn mài	
16	đối thủ, người cạnh tranh	
17	duy nhất	
18	gây ấn tượng sâu sắc	
19	gây ấn tượng tốt với ai	
20	ghi nhớ	
21	giao tiếp với ai	
22	khung (ảnh, cửa, ...)	
23	khuôn mẫu	
24	kinh nghiệm	
25	làm đồ gốm	
26	làng nghề thủ công	
27	lời mời	
28	mũi khâu, mũi thêu	
29	nấu chảy ra rồi đổ khuôn đúc kim loại (<i>không ghi từ trong ngoặc đơn</i>)	
30	nhiều loại (vừa nhiều vừa khác nhau)	
31	nổi tiếng vì (<i>viết cụm từ</i>)	
32	phân công, chia phần	

33	phong cảnh	
34	rót, đổ, trút, ...	
35	sân khấu	
36	sự cho phép	
37	sự đa dạng	
38	tạc, chạm (<i>không ghi từ trong ngoặc đơn</i>)	
39	tập hợp, tụ hợp	
40	thêu (<i>không ghi từ trong ngoặc đơn</i>)	
41	thu hút	
42	tin cậy vào	
43	tơ, sợi tơ	
44	tranh dân gian	
45	vùng ngoại ô	

